TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 504/2021/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 08 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích N**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 280/7 Đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Tôn Thất H**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 280/7 Đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Bích N và ông Tôn Thất H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích N và ông Tôn Thất H thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/1987 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/12/1987).
- Về con chung: Có 03 con chung tên Tôn Thất Minh K, sinh năm 1989; Tôn Nữ Thiên A, sinh năm 1991 và Tôn Nữ Thiên T, sinh ngày 18/8/2003. Con chung đã thành niên.
- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về nợ chung: Hai bên khai không có nợ chung.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích N tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Bích N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0069084 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Hoàn lại cho bà Trần Thị Bích N số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND Phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh;
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với GCNKH số 62/1987 quyển số 01 cấp ngày 26/12/1987);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc